

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Bản án số: 59/2022/HSST

Ngày: 21/02/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Ông Nguyễn Minh Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2022/HSST ngày 06/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/HSST ngày 08/02/2022 đối với bị cáo:

Mai Minh H;Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh năm 1987 tại C;

HKTT: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh C;

Nơi cư trú: Không nơi ở nhất định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ: Không;

Con ông: Mai Minh K, sinh năm 1969; Con bà: Lê Thị L, sinh năm 1969;

Gia đình có 04 anh em; Bị cáo là con lớn nhất;

Vợ: Triệu Kiều T, sinh năm 1992; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án:

- Tại bản án số 28/2010/HSST ngày 25/03/2010, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh C xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/7/20210;

- Tại bản án số 10/2011/HSST ngày 02/03/2011, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh C xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/2011;

- Tại bản án số 316/2013/HSST ngày 06/6/2013, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/2013;

- Tại bản án số 675/2015/HSST ngày 26/11/2015, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt bị cáo 04 tháng 02 ngày tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/11/2015;

- Tại bản án số 69/2016/HSST ngày 31/05/2016, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đ xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/6/2018;

- Tại bản án số 476/2018/HSST ngày 27/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/08/2020;

- Tại bản án số 87/2021/HSST ngày 24/02/2021, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt bị cáo 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/6/2021;

Tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 11/9/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B - Có mặt.

Bị hại: Anh **Đỗ Hoàng A**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 04, tổ 54, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đ - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 10/9/2021, Mai Minh H (ban đầu H khai tên Mai Hoàng P) điều khiển xe mô tô hiệu Dream gắn biển số 52L2-0691 đi từ khu vực ngã ba Phát Triển thuộc phường T, thành phố B đến cửa hàng thuốc tây “1988” của anh Đỗ Hoàng A, tại tổ 54, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, để mua thuốc uống và card điện thoại. Khi đến nơi, H đi vào trong cửa hàng không thấy ai trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, H đi vào trong quầy mở ngăn kéo tủ lấy số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) bỏ vào túi quần bên phải rồi đi ra ngoài. Khi vừa ra đến cửa thì anh A là chủ cửa hàng thuốc tây đi từ ngoài vào và hỏi H cần mua gì, H trả lời cần mua thuốc cảm và card điện thoại. Sau khi bán thuốc và card điện thoại xong, anh A phát hiện tiền trong ngăn kéo bị mất nên đã hỏi H có lấy tiền của anh không thì H đã thừa nhận, đồng thời lấy tiền trong túi quần ra trả lại cho anh A. Anh A đã giữ H lại báo công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xác minh xử lý.

- Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Dream gắn biển số 52L5-0691, có số khung 019017, số

máy 016017 tạm giữ của H, H sử dụng làm phương tiện đi đến tiệm thuốc tây “1988” của anh A.

+ Số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) do Mai Minh H giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh A.

- Về dân sự: Bị hại anh A đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSBH ngày 04/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố bị cáo Mai Minh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo: Từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án:

Cơ quan điều tra Công an TP. B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận vào khoảng 12 giờ 15 phút ngày 10/9/2021 tại cửa hàng thuốc tây “1988” tại tổ 54, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, lợi dụng lúc không có ai trông coi cửa hàng, bị cáo đã đi vào bên trong quầy mở ngăn kéo tủ lấy trộm số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) của anh Đỗ Hoàng A, sau đó H bị phát hiện bắt giữ, khởi tố để điều tra xử lý.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Do tại lần phạm tội trước bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm”, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản do cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo tình tiết định khung tăng nặng hình phạt là “*tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không chịu lấy đó làm bài học để sửa chữa, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải

có hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo:

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về phần dân sự:

Bị hại đã nhận lại và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với Đối với chiếc xe mô tô hiệu Dream gắn biển số 52L5-0691, có số khung 019017, số máy 016017 tạm giữ của H, H khai nhận chiếc xe trên H mượn của một người bạn tên Khắc không rõ nhân thân lai lịch. Qua tra cứu tại phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ xác định không có thông tin về chiếc xe trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[6] Về án phí:

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Mai Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Mai Minh H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2021.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;

- Chi cục THADS thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CATP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo – Bị hại;
- Lưu.

Bùi Lan Hương